

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/DS-ST.

Ngày: 23-9-2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đoàn Văn Vui.

+ Ông Đường Thanh Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2025/QĐST-DS ngày 09/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; địa chỉ: T T, phường H, Thành phố Hà Nội (trước đây là T T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Lê Ngọc L - Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T - Cán bộ quản lý khách hàng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Phòng G; địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre).

- Bị đơn:

1) Ông **Võ Văn C** - Sinh năm: 1971, địa chỉ: Ấp M, xã H, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt).

2) Bà **Phạm Thị Bé T1** - Sinh năm: 1976, địa chỉ: Ấp M, xã H, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1) Chị **Võ Thị C1** - Sinh năm: 1991, địa chỉ: Ấp M, xã H, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt).

2) Anh **Võ Công C2** - Sinh năm: 1996, địa chỉ: Ấp M, xã H, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2024, các bản tự khai và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/02/2023, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh B1 - Phòng G1 (nay là Phòng G) có cho ông Võ Văn C, bà Phạm Thị Bé T1 vay số tiền là 500.000.000VNĐ (năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2023/19479552/HĐTD, thời hạn vay là 60 (sáu mươi) tháng, lãi suất trong hạn là 11,2%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ông C, bà T1, chị C1, anh C2 có thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với: Thửa đất số 1644, tờ bản đồ số 1, có diện tích 1.190m², tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn C, bà Phạm Thị Bé T1 vào ngày 27/9/2006 và thửa đất số 283, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre do Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn C ngày 22/07/2002 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2023/19479552/HĐBĐ và Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2023/19479552/HĐBĐ cùng ngày 27/02/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh B1 - Phòng G1 (nay là Phòng G) với ông Võ Văn C, bà Phạm Thị Bé T1, chị Võ Thị C1, anh Võ Công C2.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông C, bà T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do ông C, bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu ông C, bà T1 phải trả số nợ gốc là 350.800.000VNĐ (ba trăm năm mươi triệu tám trăm ngàn đồng), tiền lãi tính đến ngày 27/8/2025 là 50.352.802VNĐ (năm mươi triệu ba trăm mười hai ngàn tám trăm lẻ hai đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày

28/8/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2023/19479552/HĐTD ngày 27/02/2023 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh B1 - Phòng G1 với ông Võ Văn C, bà Phạm Thị Bé T1.

Trường hợp ông Võ Văn C và bà Phạm Thị Bé T1 không trả hết được khoản nợ nêu trên thì xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản trên đất thuộc các thửa đất: Thửa đất số 1644, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (*giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Văn C, bà Phạm Thị B Tý ngày 27/9/2006, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H00303*); thửa đất số 283, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (*giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Võ Văn C ngày 22/7/2002*) để thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2023/19479552/HĐBĐ ngày 27/02/2023 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh B1 - Phòng G1 với ông Võ Văn C, bà Phạm Thị Bé T1 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2023/19479552/HĐBĐ ngày 27/02/2023 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh B1 - Phòng G1 với ông Võ Văn C, bà Phạm Thị Bé T1, Võ Thị C1, Võ Công C2.

Bị đơn là ông Võ Văn C, bà Phạm Thị Bé T1, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Võ Thị C1, anh Võ Công C2 vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc là 350.800.000VNĐ (ba trăm năm mươi triệu tám trăm ngàn đồng), tiền lãi tính đến hết ngày 22/9/2025 gồm lãi trong hạn là 47.973.297VNĐ (bốn mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm chín mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn là 6.174.064VNĐ (sáu triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi bốn đồng) và yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày 23/9/2025 cho đến khi trả hết khoản nợ; trong trường hợp bị đơn không trả được khoản nợ thì xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp bất động sản đã được ký kết để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn là bà Phạm Thị Bé T1 trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày, yêu cầu của nguyên đơn về việc vay tiền; do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn nên mới không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi như đã thỏa thuận; gia đình dự kiến khoảng từ mười đến mười lăm ngày nữa sẽ trả cho Ngân hàng 100.000.000VNĐ (một trăm triệu đồng) và yêu cầu được tiếp tục trả dần số tiền vay hàng tháng như đã thỏa thuận ban đầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Võ Thị C1 trình bày: Chị không có vay tiền của nguyên đơn, phần đất thế chấp là của cha mẹ (ông C, bà T1), chị không có tranh chấp, không có yêu cầu gì liên quan đến vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về căn cứ pháp luật: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 21, 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 318, 320, 325, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Võ Văn C Và bà Phạm Thị Bé T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 350.800.000VNĐ (ba trăm năm mươi triệu tám trăm ngàn đồng) và tiền lãi. Trường hợp ông C, bà Bé T1 không thể thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản trên các thửa đất số 1644, tờ bản đồ số 1 và thửa đất số 283, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) để thu hồi nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Đây là vụ kiện về: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, hợp đồng được thực hiện tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh B1 - Phòng G1 (nay là Phòng G) có địa chỉ tại khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long) nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long) thụ lý, giải quyết theo quy định tại các điều 26, 35, 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 06/01/2025, ngày 27/8/2025, đồng thời người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, bị đơn là ông Võ Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Võ Công C2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt ông

C, anh C2 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Lời trình bày của nguyên đơn về thời gian ký kết hợp đồng tín dụng, về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất cho vay là phù hợp với nội dung của Hợp đồng tín dụng số: 01/2023/19479552/HĐTD ngày 27/02/2023. Bị đơn đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi định kỳ hàng tháng và kể từ tháng 11/2024 cho đến nay bị đơn không trả nợ gốc, lãi như đã thỏa thuận nên bị coi là chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 282 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do vậy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ và tiền lãi là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Việc thế chấp tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2023/19479552/HĐBĐ ngày 27/02/2023 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh B1 - Phòng G1 với ông Võ Văn C, bà Phạm Thị Bé T1 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2023/19479552/HĐBĐ ngày 27/02/2023 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh B1 - Phòng G1 với ông Võ Văn C, bà Phạm Thị Bé T1, Võ Thị C1, Võ Công C2 là phù hợp với quy định của pháp luật nên trong trường hợp bị đơn không trả được các khoản nợ trên cho nguyên đơn thì xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản trên đất thuộc các thửa đất: Thửa đất số 1644, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre; thửa đất số 283, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre để thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

[5] Về xử lý tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ: Tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 400.000VNĐ (bốn trăm ngàn đồng), số tiền này nguyên đơn đã nộp đủ. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính như sau: $20.000.000\text{VNĐ} + (4\% \times 4.947.361\text{VNĐ}) = 20.198.000\text{VNĐ}$ (hai mươi triệu một trăm chín mươi tám ngàn đồng).

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 288, 320, 321, 322, 323, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; các điều 5, 147, 157, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1/ Buộc ông Võ Văn C và bà Phạm Thị Bé T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số nợ gốc là 350.800.000VNĐ (ba trăm năm mươi triệu tám trăm ngàn đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày 22/9/2025 là 47.973.297VNĐ (bốn mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm chín mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 22/9/2025 là 6.174.064VNĐ (sáu triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi bốn đồng).

2/ Kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2025 cho đến khi trả hết nợ, ông Võ Văn C, bà Phạm Thị Bé T1 có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 01/2023/19479552/HĐTD ngày 27/02/2023 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh B1 - Phòng G1 (nay là Phòng G) với ông Võ Văn C, bà Phạm Thị Bé T1.

3/ Trường hợp ông Võ Văn C và bà Phạm Thị Bé T1 không trả hết được khoản nợ nêu trên thì xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản trên đất thuộc các thửa đất: Thửa đất số 1644, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp M, xã H, tỉnh Vĩnh Long; *giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Văn C, bà Phạm Thị B Tý ngày 27/9/2006, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H00303*); thửa đất số 283, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long; *giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Võ Văn C ngày 22/7/2002*) để thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2023/19479552/HĐBĐ ngày 27/02/2023 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh B1 - Phòng G1 với ông Võ Văn C, bà Phạm Thị Bé T1 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2023/19479552/HĐBĐ ngày 27/02/2023 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh B1 - Phòng G1 với ông Võ Văn C, bà Phạm Thị Bé T1, chị Võ Thị C1, anh Võ Công C2.

4/ Buộc ông Võ Văn C và bà Phạm Thị Bé T1 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ 400.000VNĐ (bốn trăm ngàn đồng) tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1) Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 9.539.000VNĐ (chín triệu năm trăm ba mươi chín ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006651 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

5.2) Buộc ông Võ Văn C và bà Phạm Thị Bé T1 có nghĩa vụ liên đới nộp 20.198.000VNĐ (hai mươi triệu một trăm chín mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bà Phạm Thị Bé T1, chị Võ Thị C1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; riêng ông Võ Văn C, anh Võ Công C2 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

7/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- T.H.A.D.S tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GD, KT, TT và T.H.A-TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyễn